

**BẢNG ĐIỂM THI MÔN: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH CÔNG TY
ĐA QUỐC GIA _ĐHCQ K10_KỲ II_ NĂM HỌC 2024-2025**

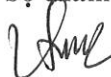
STT	Họ và	tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Lớp TC
1	Hoàng Mỹ	Anh	09/11/2004	1001011456	TC10A	000001	865	5.4	01
2	Nguyễn Phương	Anh	25/12/2004	1001011457	TC10A	000002	741	5.2	01
3	Nguyễn Tuấn	Anh	30/10/2004	1001010753	TC10A	000003	652	4.2	01
4	Quách Duy	Anh	25/10/2004	1001010755	TC10A	000004	590	4.6	01
5	Phan Hạnh	Chi	13/09/2003	1001011760	TC10A	000005	429	5.8	01
6	Nguyễn Thị	Chuyên	09/03/2004	1001011387	TC10A	000006	374	5.8	01
7	Nguyễn Tiến	Đạt	26/05/2004	1001010762	TC10A	000007	216	4.8	01
8	Lê Ngọc	Diệp	10/06/2004	1001010763	TC10A	000008	183	4.8	01
9	Nguyễn Hoàng	Đức	20/10/2004	1001010765	TC10A	000009	865	5.4	01
10	Nguyễn Mỹ	Dung	11/11/2004	1001010767	TC10A	000010	741	4.6	01
11	Vũ Hồng	Hạnh	29/05/2004	1001010437	TC10A	000011	652	5.0	01
12	Lương Trung	Hiếu	09/09/2004	1001010783	TC10A	000012	590	4.4	01
13	Bùi Thị	Hương	10/10/2003	1001011236	TC10A	000013	429	5.4	01
14	Lê Anh	Khánh	03/09/2004	1001010797	TC10A	000014	374	5.6	01
15	Phạm Duy	Khiêm	26/04/2004	1001010798	TC10A	000015	216	6.8	01
16	Cao Ngọc	Lan	19/08/2004	1001010803	TC10A	000016	183	7.2	01
17	Nguyễn Thảo	Linh	19/10/2003	1001011363	TC10A	000017	865	5.6	01
18	Hàn Ngọc	Long	13/12/2004	1001011365	TC10A	000018	741	6.4	01
19	Trịnh Phúc	Long	17/04/2004	1001010818	TC10A	000019	652	3.8	01
20	Trần Khánh	Ly	31/03/2003	1001011393	TC10A	000020	590	6.2	01
21	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	1001010821	TC10A	000021	429	4.2	01
22	Đào Ngọc	Minh	18/07/2004	1001011453	TC10A	000022	374	4.2	01
23	Nguyễn Lương	Minh	02/08/2004	1001010828	TC10A	000023	216	7.8	01
24	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	15/09/2004	1001010834	TC10A	000024	183	6.0	01
25	Phạm Hồng	Ngọc	20/04/2004	1001010835	TC10A	000025	865	5.0	01
26	Đỗ Thị Thảo	Nhi	23/01/2004	1001010229	TC10A	000026	741	5.6	01

27	Trần Hoàng	Phong	09/05/2004	1001010844	TC10A	000027	652	4.0	01
28	Đỗ Minh	Quân	02/02/2004	1001010849	TC10A	000028	590	5.2	01
29	Lê Phú	Quý	03/08/2003	1001010852	TC10A	000029	865	5.2	01
30	Phạm Trọng	Tài	16/12/2004	1001010905	TC10A	000030	741	6.6	01
31	Nguyễn Tiến	Thành	26/05/2004	1001010862	TC10A	000031	652	4.8	01
32	Hoàng Thị	Thảo	15/04/2003	1001010864	TC10A	000032	590	6.8	01
33	Lý Trí	Thiên	03/09/2004	1001010868	TC10A	000033	429	5.6	01
34	Vũ Minh	Thu	25/02/2004	1001010870	TC10A	000034	374	5.4	01
35	Đỗ Thu	Thuận	26/12/2002	1001010871	TC10A	000035	216	5.6	01
36	Nguyễn Thu	Thủy	15/12/2004	1001010873	TC10A	000036	183	7.0	01
37	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	1001010878	TC10A	000037	865	3.4	01
38	Bùi Phương	Trang	23/12/2004	1001011383	TC10A	000038	741	6.4	01
39	Hà Thị Thu	Trang	08/02/2004	1001010881	TC10A	000039	652	6.2	01
40	Lăng Quốc	Việt	29/10/2004	1001010890	TC10A	000040	590	7.0	01
41	Phạm Thị Bích	Thảo	02/10/2000	0710112006	TC7A	000041	429	3.6	01
42	Đào Bích	Ngọc	28/05/2002	0901010763	TC9A	000042			01
43	Đinh Ngọc	Tùng	25/04/2003	0901010121	TC9A	000043	374	4.0	01
44	Nguyễn Thị Tường	An	10/03/2004	1001011337	TC10B	000044	216	7.8	02
45	Hoàng Quỳnh	Anh	19/01/2004	1001011340	TC10B	000045	183	6.8	02
46	Nguyễn Đào Vi	Anh	22/09/2001	1001011441	TC10B	000046	865	5.6	02
47	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/2004	1001010750	TC10B	000047	741	5.2	02
48	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	10/08/2004	1001010752	TC10B	000048	652	4.0	02
49	Phạm Mai Quỳnh	Anh	11/06/2004	1001010754	TC10B	000049	590	6.4	02
50	Vũ Hoàng	Anh	12/10/2004	1001010756	TC10B	000050			02
51	Hán Mạnh	Cường	17/05/2004	1001010757	TC10B	000051	429	7.0	02
52	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	1001011687	TC10B	000052	374	6.8	02
53	Nguyễn Minh	Hải	26/04/2004	1001010780	TC10B	000053	216	7.6	02
54	Lộc Tuyết	Hậu	27/08/2004	1001011348	TC10B	000054	183	6.6	02
55	Lê Xuân	Hòa	09/08/2004	1001011739	TC10B	000055	865	7.2	02
56	Nguyễn Văn	Hoàn	29/12/2004	1001010786	TC10B	000056	741	7.2	02
57	Đỗ Thị	Hường	02/12/2004	1001011692	TC10B	000057	865	8.0	02

58	Nguyễn Khánh	Huyền	04/11/2004	1001010794	TC10B	000058	741	8.2	02
59	Nguyễn Ngọc	Huyền	06/09/2004	1001010795	TC10B	000059	652	8.4	02
60	Phạm Thị Thanh	Huyền	25/06/2004	1001010796	TC10B	000060	590	7.0	02
61	Nguyễn Thị	Lam	14/11/2004	1001011359	TC10B	000061	429	5.8	02
62	Nguyễn Tùng	Lâm	12/03/2004	1001010802	TC10B	000062	374	6.0	02
63	Đoàn Gia	Linh	14/10/2003	1001030597	TC10B	000063	216	6.8	02
64	Ngô Hoàng Thùy	Linh	05/08/2004	1001010811	TC10B	000064	183	7.2	02
65	Mã Đức	Long	13/12/2004	1001010817	TC10B	000065	865	6.4	02
66	Nguyễn Khánh	Ly	18/06/2004	1001010820	TC10B	000066	741	6.0	02
67	Lê Hoàng	Minh	21/09/2004	1001010826	TC10B	000067	652	8.4	02
68	Đặng Xuân	Nam	23/11/2004	1001010831	TC10B	000068	590	6.0	02
69	Trần Trọng	Nghĩa	05/10/2004	1001010215	TC10B	000069	429	6.2	02
70	Mã Thảo	Nhi	25/01/2004	1001010840	TC10B	000070	374	6.6	02
71	Trần Mai	Phuong	29/12/2004	1001010848	TC10B	000071	216	6.4	02
72	Nguyễn Hoàng	Quân	27/08/2004	1001010850	TC10B	000072	183	6.8	02
73	Vũ Ngọc	Son	24/07/2004	1001010855	TC10B	000073	865	4.8	02
74	Hoàng Hà Băng	Tâm	10/08/2004	1001010857	TC10B	000074	741	5.6	02
75	Phạm Phương	Thảo	13/02/2004	1001010867	TC10B	000075	652	7.2	02
76	Đỗ Đức	Thịnh	05/01/2004	1001011460	TC10B	000076	590	6.2	02
77	Hoàng Hà Anh	Thư	26/02/2004	1001011455	TC10B	000077	429	5.6	02
78	Đàm Phương	Thùy	19/10/2004	1001011467	TC10B	000078	374	7.6	02
79	Hà Ngọc	Trà	02/05/2004	1001010879	TC10B	000079	216	7.2	02
80	Đặng Quỳnh	Trang	07/10/2002	1001011454	TC10B	000080	183	7.2	02
81	Lê Thị Kiều	Trang	16/01/2003	0901010764	TC10B	000081	865	7.4	02
82	Hoàng Anh	Vũ	26/08/2004	1001010891	TC10B	000082	741	6.0	02
83	Nguyễn Thị	Xuân	09/05/2004	1001010894	TC10B	000083	652	7.4	02
84	Nguyễn Huyền	Đức	01/07/2000	0901080176	TM9A	000084	590	7.2	02

Tổng số bài: 82

Cán bộ chấm 1



Nguyễn Thị Bích Hương

Hưng Yên, Ngày 08 tháng 7 năm 2025

Cán bộ chấm 2



Trần Thị Thanh Vân